



# CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MÔN Nguyên LÝ KẾ TOÁN

Kế toán (Van Lang University)

# CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

## PHẦN 1: LÝ THUYẾT

### CHƯƠNG 1:

#### 1. Đối tượng nghiên cứu của kế toán bao gồm:

- a. Tình hình thu, chi tiền của doanh nghiệp
- b. Tình hình kinh doanh lãi/ lỗ của doanh nghiệp
- c. Cả 3 đáp án trên đều đúng**
- d. Tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí

#### 2....là văn bản pháp lý cao nhất, quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc và làm cơ sở nền tảng để xây dựng ... và ... hướng dẫn kế toán;

- (i) Luật kế toán
  - (ii) Chế độ kế toán
  - (iii) Chuẩn mực kế toán
  - (iv) Hội nghề nghiệp kế toán
- a. (iv), (i), (ii)
  - b. (i), (ii), (iii)
  - c. (iv), (i), (iii)
  - d. (i), (iii), (ii)**

#### 3. Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây chỉ ảnh hưởng đến phần nguồn vốn mà không ảnh hưởng đến phần tài sản trong phương trình kế toán:

- a. Vay ngân hàng mua một tài sản cố định hữu hình
- b. Bán hàng hoá cho khách hàng chưa thu được tiền
- c. Vay ngắn hạn ngân hàng thanh toán nợ cho người bán**
- d. Chi tiền mặt thanh toán tiền lương cho người lao động

#### 4. Chọn phát biểu sai:

- a. Kế toán là một hệ thống thông tin nhằm đo lường, xử lý và truyền đạt thông tin tài chính của 1 đơn vị kinh tế
- b. Chức năng kế toán bao gồm: thu thập, xử lý, truyền đạt thông tin
- c. Kế toán chỉ cung cấp thông tin cho đối tượng bên ngoài doanh nghiệp**
- d. Đối tượng theo dõi của kế toán là tài sản và nguồn hình thành tài sản

#### 5. Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây chỉ ảnh hưởng đến phần tài sản mà không ảnh hưởng đến phần nguồn vốn của phương trình kế toán:

- a. Chi tiền mặt thanh toán tiền cho người bán
- b. Mua công cụ dụng cụ chưa thanh toán cho người bán
- c. Bán hàng hoá cho khách hàng thu ngay bằng tiền mặt
- d. Chi tiền mặt tạm ứng cho trưởng phòng đi công tác**

#### 6. Trường hợp nào sau đây được ghi vào sổ kế toán?

- a. Ký hợp đồng thuê mặt bằng để trưng bày sản phẩm trị giá hợp đồng 15 triệu đồng/ tháng
- b. Ký hợp đồng lao động với nhân viên Mai với mức lương thoả thuận là 8 triệu đồng/ tháng

- c. Ký hợp đồng bán hàng với công ty An Bình trị giá 1 tỷ đồng  
**d. Chi tiền mặt 15 triệu đồng trả tiền thuê văn phòng tháng này**

**7. Kế toán có vai trò quan trọng đối với các tổ chức và cả nền kinh tế, vì thế người làm kế toán cần có...**

- a. Tỉ mỉ và siêng năng  
b. Trình độ và kĩ năng  
c. Tính trung thực và kiên nhẫn  
**d. Chuyên môn vững và đạo đức nghề nghiệp**

**8. Lĩnh vực kế toán nào sau đây có vai trò thu thập và đánh giá bằng chứng về thông tin có thể định lượng liên quan đến một thực thể pháp lý để xác định rõ và lập báo cáo mức độ phù hợp giữa thông tin và những chuẩn mực đã được thiết lập, được thực hiện bởi chuyên gia độc lập có đủ thẩm quyền và trình độ:**

- a. Kế toán thuế  
b. Kế toán quản trị  
**c. Kiểm toán**  
d. Kế toán tài chính

**9. Hãy cho biết đối tượng nào sau đây không được kế toán ghi nhận là tài sản công ty:**

- a. Mua 1 nhà xưởng trị giá 1.000.000.000 đồng  
**b. Giữ hộ khách hàng lô hàng trị giá 40.000.000 đồng**  
c. Chủ sở hữu góp vốn vào doanh nghiệp 5 tỷ đồng bằng tiền mặt  
d. Mua 1 lô hàng hoá trị giá 50.000.000 đồng

**10. Trường hợp nào được ghi nhận là Nợ phải trả của doanh nghiệp:**

- a. Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt 50 triệu đồng  
b. Chi tiền mặt trả chi phí quảng cáo tháng này là 10 triệu đồng  
c. Chi tiền mặt mua 1 lô công cụ dụng cụ trị giá 20 triệu đồng  
**d. Mua 1 lô hàng hoá trị giá 100 triệu đồng, chưa thanh toán cho người bán**

**11. Khi nghiệp vụ có phát sinh chi phí bán hàng được thanh toán bằng chuyển khoản là 40.000.000 đồng sẽ làm cho:**

- a. Tổng tài sản và nợ phải trả cùng giảm 40.000.000 đồng**  
b. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn cùng tăng lên 40.000.000 đồng  
c. Tổng tài sản và nguồn vốn không đổi  
d. Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu cùng giảm 40.000.000 đồng

**12. Qua phương trình kế toán mở rộng ta có: Doanh thu TĂNG lên khi...**

- a. Tài sản GIẢM  
**b. Nợ phải trả GIẢM**  
c. Nợ phải trả TĂNG  
d. Chi phí GIẢM

**13. Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây là loại nghiệp vụ làm cho tổng tài sản và tổng nguồn vốn của phương trình kế toán cùng GIẢM:**

- a. Trả nợ cho người bán bằng tiền gửi ngân hàng 10 triệu đồng
- b. Vay ngân hàng bằng chuyển khoản 200 triệu đồng
- c. Khách hàng trả nợ bằng tiền gửi ngân hàng 20 triệu đồng
- d. Mua hàng hoá trị giá 10 triệu đồng chưa thanh toán

**14. Qua phương trình kế toán mở rộng ta có: Tài sản TĂNG lên khi...**

- a. Nợ phải trả giảm
- b. Doanh thu tăng
- c. Chi phí tăng
- d. Doanh thu giảm

**15. Chức năng thu thập dữ liệu của kế toán là việc kế toán:**

- a. Lập báo cáo nội bộ
- b. Ghi chép vào sổ sách kế toán
- c. Nhận lập hoá đơn, phiếu thu, phiếu chi
- d. Lập báo cáo tài chính

**16. Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây là loại nghiệp vụ làm cho tổng tài sản và tổng nguồn vốn của phương trình kế toán cùng TĂNG:**

- a. Mua hàng hoá trị giá 50 triệu đồng đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng
- b. Khách hàng trả nợ bằng tiền gửi ngân hàng 20 triệu đồng
- c. Mua hàng hoá trị giá 50 triệu đồng, chưa thanh toán cho người bán
- d. Chi tiền mặt trả nợ người bán 30 triệu đồng

**17. Tính chất cân đối của phương trình kế toán sẽ không thay đổi khi:**

- a. Tất cả đều đúng
- b. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh mà tài sản tăng, tài sản khác giảm
- c. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh mà tài sản tăng, nguồn vốn tăng
- d. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh mà tài sản giảm, nguồn vốn giảm

## **CHƯƠNG 2:**

**1. Trong tháng 4/2019, công ty A đã bán được 1000 đơn vị hàng hoá với tổng số tiền thu được là 200 triệu đồng, ngoài việc ghi nhận tăng doanh thu bán hàng 200 triệu đồng, kế toán cần phải tính toán và ghi nhận giá vốn tương ứng của 1000 đơn vị hàng hoá trên. Việc làm trên nhằm tuân thủ nguyên tắc kế toán nào?**

- a. Nguyên tắc thận trọng
- b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu
- c. Nguyên tắc giá gốc
- d. Nguyên tắc phù hợp

**2. Phần chênh lệch giữa tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với tổng các khoản giảm trừ doanh thu chính là:**

- a. Lợi nhuận gộp
- b. Doanh thu tài chính
- c. Doanh thu thuần

**3. Hao mòn TSCĐ có thể trình bày bên phần nguồn vốn của bảng CĐKT và khi đó nó phải mang giá trị “dương”:**

a. True

**b. False**

**4. Quyền sở hữu và quyền quản lý của một đơn vị phải được tách biệt rõ ràng , đó là nội dung của nguyên tắc thực thể kinh doanh:**

**True**

**5. Khi một NVKTPS ảnh hưởng đến một bên tài sản hoặc nguồn vốn thì làm cho 1 tài sản hoặc nguồn vốn tăng lên và 1 tài sản hoặc nguồn vốn khác giảm xuống, lúc đó tổng số bảng CĐKT sẽ thay đổi:**

**False**

**6. Khi một NVKTPS ảnh hưởng cả 2 bên của bảng CĐKT thì làm cho cả 2 bên tài sản và nguồn vốn cùng tăng hoặc cùng giảm, lúc đó tổng số của bảng CĐKT không thay đổi:**

**False**

**7. Nguyên tắc nhất quán cho phép kế toán có thể thay đổi chính sách kế toán từ kỳ này sang kỳ khác:**

**True**

**8. Từ 01/01/2019 công ty Thanh Thanh sử dụng phương pháp tính giá xuất kho bình quân gia quyền. Đến 30/6/2019 công ty quyết định chuyển sang phương pháp nhập trước xuất trước và đến 01/10/2019 công ty lại sử dụng phương pháp bình quân gia quyền. Điều này đã vi phạm nguyên tắc nhất quán:**

**True**

**9. Công ty T&T có doanh thu 300.000.000, hàng bán bị trả lại 15.000.000, giá vốn hàng bán 120.000.000, lãi tiền gửi tiết kiệm 5.000.000 và chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp 50.000.000. Vậy lợi nhuận trước thuế của công ty là 125.000.000?**

**False**

**10. Công ty An An bán được 2000 sản phẩm với giá bán 10.000/sp, giá vốn 3.000/sp, trong kỳ khách hàng trả lại 100sp bị lỗi, chi phí bán hàng 700đ/sp và chi phí quản lý 800đ/sp. Chi phí tài chính 200.000. Thu nhập do thanh lý TCSĐ 300.000. Vậy lợi nhuận trước thuế là 10.100.000?**

**True**

**11. Lợi nhuận sau thuế trên BCKQHĐKD thể hiện (128.000.000) vậy có nghĩa là lợi nhuận chưa phân phối kỳ này trên BCĐKT không thay đổi:**

**True**

12. Công ty thuê 1 nhà xưởng để phục vụ sản xuất với giá là 50.000.000/ tháng, thời hạn thuê từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 và đã thanh toán trước 300.000.000. Vậy kế toán ghi nhận chi phí thuê xưởng 2020 là 300.000.000? FALSE

13. Ngày 10/01/2017, doanh nghiệp đã chi ra 3 tỷ đồng để mua một căn hộ dùng làm văn phòng đại diện của công ty. Đến ngày 31/12/2018, giá thị trường của căn hộ này là 4 tỷ. Dù giá trị căn hộ đã tăng lên thêm 2 tỷ đồng nhưng kế toán báo cáo giá trị căn hộ này trong báo cáo tài chính năm 2018 vẫn là 3 tỷ đồng. Kế toán đang thực hiện theo nguyên tắc hay giả định kế toán nào?

a. Giả định đơn vị tiền tệ

**b. Nguyên tắc giá gốc**

c. Nguyên tắc thận trọng

d. Nguyên tắc nhất quán

14. Công ty Nasan sản xuất một máy lọc khí trong tháng 1, trưng bày nó trong quầy bán lẻ của công ty vào tháng 2. Tháng 3, ông Lâm, một khách hàng, ký hợp đồng mua chiếc máy đó. Chiếc máy đó được giao cho ông Lâm vào tháng 4. Đến tháng 5 thì ông Lâm chuyển khoản thanh toán đủ tiền. Kế toán của Nasan đã ghi nhận doanh thu vào tháng nào?

a. Tháng 2

b. Tháng 5

c. Tháng 3

**d. Tháng 4**

15. Loại báo cáo nào sau đây là Báo cáo tài chính mang tính THỜI ĐIỂM:

a. Bảng cân đối số phát sinh

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

c. Bảng cân đối kế toán

**d. B và C đúng**

16. Theo nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi:

**a. Quyền sở hữu hàng hoá được chuyển giao và khách hàng đồng ý thanh toán tiền**

b. Hàng hoá được xuất kho

c. Khách hàng gửi đơn đặt hàng và doanh nghiệp đồng ý sẽ bán hàng

d. Khách hàng thanh toán tiền

17. Năm 2018, doanh nghiệp đã chi trả các khoản phí với tổng số tiền là 200.000.000 để mua 1 dây chuyền sản xuất, với thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm. Khi hạch toán, doanh nghiệp sẽ không ghi nhận toàn bộ 200.000.000 đồng này vào chi phí năm 2018 mà phải trích khấu hao theo thời gian sử dụng của nó. Điều này là tuân thủ theo nguyên tắc kế toán:

a. Nguyên tắc giá gốc

b. Nguyên tắc kỳ kế toán

**c. Nguyên tắc phù hợp**

18. Chọn phát biểu sai:

a. Kế toán được thực hiện theo nguyên tắc ghi nhận doanh thu còn được xem như là kế toán trên cơ sở dồn tích

b. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó

**c. Doanh thu phải được ghi nhận ngay khi doanh nghiệp nhận được tiền của khách hàng**

d. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch kinh tế được hoàn tất

### 19. Nguyên tắc khách quan không có nội dung:

a. Các nghiệp vụ kế toán được ghi nhận và xử lý được dựa trên những chứng thực mà hoàn toàn không phải là cảm tính hay quan điểm cá nhân

b. Mọi ghi nhận kế toán dựa trên cơ sở những bằng chứng khách quan

**c. Chứng từ được xem là bằng chứng khách quan nhất để ghi nhận các nghiệp vụ kế toán**

d. Chứng từ là sự thoả thuận của 2 bên, có lợi cho 2 bên trong cùng một giao dịch kinh tế

### 20. Khoản mục “ Hao mòn tài sản cố định” được trình bày. Trên Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc:

a. Ghi số dương bên phải phần nguồn vốn

b. Ghi số dương bên phải phần tài sản

c. Ghi số âm bên phần tài sản

**d. Ghi số âm bên phần nguồn vốn**

## CHƯƠNG 3:

### 1. Số dư cuối kỳ của tài khoản bằng:

a. Số dư đầu kỳ - tổng số phát sinh tăng + tổng số phát sinh giảm

**b. Số dư đầu kỳ + tổng số phát sinh tăng – tổng số phát sinh giảm**

c. Số dư đầu kỳ + tổng số phát sinh bên Nợ - tổng số phát sinh bên Có

d. 0 nếu tổng phát sinh bên Nợ bằng tổng số phát sinh bên Có

### 2. Định khoản nghiệp vụ kinh tế là việc ghi Nợ và Có cho các tài khoản phát sinh trong nghiệp vụ đó:

**TRUE**

### 3. Ghi sổ nhật ký các nghiệp vụ kinh tế tức là định khoản các nghiệp vụ đó vào trong sổ kế toán và không phân biệt trình tự phát sinh của nghiệp vụ:

**FALSE**

### 4. Số dư tài khoản là sự chênh lệch của tổng số phát sinh bên Nợ và tổng số phát sinh bên Có, bao gồm cả số dư đầu kỳ của tài khoản:

**TRUE**

### 5. Số dư tài khoản luôn nằm cùng bên với bên có phát sinh tăng của tài khoản:

**TRUE**

### 6. Tài khoản kế toán nào sau đây có số dư bằng KHÔNG vào cuối kỳ kế toán:

a. Chi phí bán hàng

**b. Tài sản cố định hữu hình**

c. Hao mòn tài sản cố định

d. Vay ngân hàng

**7. Chọn phát biểu sai:**

- a. Số phát sinh tăng của tài khoản “Hao mòn tài sản cố định” được ghi ở bên Có
- b. Số phát sinh tăng của tài khoản “Vốn chủ sở hữu” được ghi ở bên Nợ**
- c. Số phát sinh tăng của tài khoản “Tài sản” được ghi ở bên Nợ
- d. Số phát sinh tăng của tài khoản “Chi phí” được ghi ở bên Nợ

**8. Nghiệp vụ “Chi tiền thanh toán tiền điện, nước tháng này ở bộ phận quản lý” được kế toán ghi sổ nhật ký:**

- a. Nợ TK 627 / Có TK 111
- b. Nợ TK 642 / Có TK 331
- c. Nợ TK 642 / Có TK 335**
- d. Nợ TK 642 / Có TK 111

**9. Nghiệp vụ “Chủ sở hữu góp vốn vào doanh nghiệp bằng 1 xe tải trị giá 1 tỷ đồng” được ghi vào sổ nhật ký như thế nào?**

- a. Nợ TK 211 / Có TK 411**
- b. Nợ TK 153 / Có TK 411
- c. Nợ TK 211 / Có TK 711
- d. Nợ TK 156 / Có TK 411

**10. Nghiệp vụ “Tạm ứng cho nhân viên kinh doanh đi công tác bằng tiền mặt là 20 triệu đồng” được kế toán ghi sổ nhật ký:**

- a. Nợ TK 334 / Có TK 111
- b. Nợ TK 111 / Có TK 344
- c. Nợ TK 111 / Có TK 141**
- d. Nợ TK 141 / Có TK 111

**11. Nghiệp vụ “Được tặng một dàn máy tính trị giá 29 triệu đồng” được kế toán ghi sổ nhật ký:**

- a. Nợ TK 153 / Có TK 411
- b. Nợ TK 211 / Có TK 711
- c. Nợ TK 153 / Có TK 711**
- d. Nợ TK 211 / Có TK 411

**12. Chọn phát biểu ĐÚNG:**

- a. Số phát sinh tăng của tài khoản “Hao mòn tài sản cố định” được ghi ở bên Có**
- b. Số phát sinh tăng của tài khoản “Doanh thu” được ghi ở bên Nợ
- c. Số phát sinh tăng của tài khoản “Tài sản” được ghi ở bên Có
- d. Số phát sinh tăng của tài khoản “Nợ phải trả” được ghi ở bên Nợ

**13. Tài khoản kế toán nào sau đây cuối kỳ có thể có số dư:**

- a. Phải thu khách hàng
- b. Chi phí bán hàng



**c. Doanh thu tài chính**

d. Giá vốn hàng bán

**14. Nghiệp vụ “Tiền lương tháng này phải trả của nhân viên quản lý doanh nghiệp là 50 triệu đồng” được kế toán ghi sổ nhật ký:**

a. Nợ TK 642 / Có TK 331

b. Nợ TK 334/ Có TK 111

**c. Nợ TK 642 / Có TK 334**

d. Nợ TK 642 / Có TK 111

**15. Nghiệp vụ “Vay ngân hàng 1 tỷ đồng, số tiền vay đã được chuyển vào tài khoản tiền gửi ngân hàng của công ty” được kế toán ghi sổ nhật ký:**

**a. Nợ TK 112 / Có TK 341**

b. Nợ TK 112 / Có TK 411

c. Nợ TK 341 / Có TK 112

d. Nợ TK 111 / Có TK 112

**16. “Nợ” và “Có” là 2 thuật ngữ của kế toán. Ngoài ý nghĩa “Nợ” là bên trái của tài khoản và “Có” là bên phải của tài khoản thì nó không còn một ý nghĩa nào khác:**

**TRUE**

#### **CHƯƠNG 4:**

**Câu 1 : Khi thực hiện bút toán điều chỉnh ghi tang doanh thu và ghi giảm nợ phải trả là kế toán đang điều chỉnh cho doanh thu chưa được thực hiện :**

**TRUE**

**Câu 2 : Ngày 2/7/N , công ty chi 2,4 triệu đồng mua một quạt máy sử dụng tại bộ phận bán hàng . Ước tính máy quạt này sẽ được dung trong 2 năm . Để lập báo cáo tài chính năm N , kế toán cần thực hiện bút toán điều chỉnh . Nợ TK 641 600.000 . Có TK 153 600.000 .**

**FALSE**

**Câu 3 :Chi phí trả trước cho những khoản chi phí đã phát sinh và đã trả tiền nhưng chưa được ghi nhận .**

**TRUE**

**Câu 4 : Khi thực hiện bút toán điều chỉnh đối với việc sử dụng tài sản cố định sẽ làm cho tài sản giảm chi phí tăng .**

**TRUE**

**Câu 5 : Công ty ký có thuê văn phòng trong 3 tháng với chi phí thuê mỗi tháng 50 triệu , tiền thuê được trả vào cuối thời gian thuê ( ngày 31/1). Khi lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán hiện tại kết thúc ngày 31/12 kế toán không thực hiện bút toán điều chỉnh liên quan đến hợp đồng thuê trên . Điều này làm sai lệch thông tin về nợ phải trả và chi phí cùng bị báo cáo thấp hơn .**

**TRUE**

**Câu 6 :** Ngày 1/8 công ty chi tiền 9 triệu đồng mua một gói bảo hiểm cho nhà kho trong vòng 1 năm . Cuối niên độ kế toán hiện tại kết thúc vào 31/12 , kế toán không thực hiện bút toán điều chỉnh cho sự kiện trên . Điều này làm sai lệch thông tin về tài sản và chi phí bị báo cáo cao hơn .

**TRUE**

**Câu 7 :** Ngày 1/8/N , công ty A chuyển khoản cho công ty B 120 triệu đồng để thanh toán trước tiền thuê cửa hàng trong 1 năm ( từ 1/8/N đến 31/7/N + 1 ) . Ngày 31/12/N công ty B thực hiện bút toán điều chỉnh ghi tăng chi phí bán hàng là 50 triệu đồng .

**TRUE**

**Câu 8 :** Ngày 1/9/N , Công ty C ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn cho công ty D trong 1 năm ( bắt đầu từ 1/9/N ) với mức phí là 1,5 triệu đồng / tháng , trả tiền vào ngày kết thúc hợp đồng . ( 30/8/N+1 ) . Giả sử công ty C có kỳ kế toán là tháng , với sự kiện trên ngày kết thúc hợp đồng ( 30/8/N+1 ) . Giả sử công ty C có kỳ kế toán là tháng , với sự kiện trên ngày 30/8/N + 1 , kế toán của C định khoản . Nợ TK tiền 18.000.000 / Có TK Doanh thu 1.500.000 . Có TK phải thu của khách hàng 16.500.000 .

**TRUE**

**Câu 9 :** Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu chưa thu tiền và chưa kịp ghi nhận trong kỳ .

**FALSE**

**Câu 10:** Ngày 1/10/N , Công ty vay ngân hàng 1 tỷ đồng trong 3 năm , lãi suất vay là 12 % , lãi vay được thanh toán khi đáo hạn hợp đồng vay . Để lập báo cáo tài chính cho năm N , kế toán cần thực hiện bút toán điều chỉnh .

Nợ TK 635 25.000.000

Có TK 335 25.000.000 .

**FALSE**

**Câu 11 :** Ngày 1/9/N , Công ty C ký hợp đồng sử dụng dịch vụ quảng cáo của công ty D trong 1 năm ( bắt đầu từ 1/9/N ) với mức phí là 1,5 triệu / tháng , trả tiền vào ngày kết thúc hợp đồng ( 30/8/N + 1 ) . Giả sử công ty C có kỳ kế toán là tháng , với sự kiện trên ngày 30/8/N+1 , kế toán của C định khoản .

Nợ TK chi phí 16.500.000

Nợ TK phải trả cho người bán 1.500.000

Có TK tiền 18.000.000.

**FALSE**

**Câu 12 .** Ngày 1/6/N , công ty C ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn cho công ty D trong 1 năm ( bắt đầu từ 1/6/N ) với mức phí là 2 triệu đồng / tháng , trả tiền vào ngày kết thúc hợp đồng ( 31/5/N+1 ) . Giả sử công ty C có kỳ kế toán là năm , với sự kiện trên ngày 31/12/N , kế toán của C định khoản .

Nợ TK 131 14.000.000

Có TK 511 14.000.000 ...

**TRUE**

**Câu 13 :** Ngày 1/5/N , công ty A chuyển khoản cho công ty B 240 triệu đồng để thanh toán trước tiền thuê cửa hàng trong 1 năm ( từ 1/5/N đến 30/4/N+1 ) Giả sử công ty A có kỳ kế toán là năm . Ngày 31/12/N , công ty A thực hiện bút toán điều chỉnh .

Nợ TK 3387 160.000.000

Có TK 511 160.000.000 ....

**TRUE**

**Câu 14 :** Ngày 1/3/N , Công ty X chuyển khoản mua một hợp đồng bảo hiểm cháy nổ cho cửa hàng trong 2 năm ( bắt đầu từ 1/3/N ) với mức phí là 2,5 triệu / tháng . Giả sử công ty X có kỳ kế toán là năm . Ngày 31/12/N , kế toán của X định khoản .

Nợ TK 641 25.000.000

Có TK 242 25.000.000 .

**TRUE**

**Câu 15 :** Việc điều chỉnh các bút toán là cần thiết để các số dư tài khoản tài sản , nợ phải trả , doanh thu và chi phí được ghi nhận một cách chính xác

**TRUE**

**Câu 16 .** Nguyên tắc phù hợp yêu cầu các khoản chi phí được ghi nhận trong kỳ kế toán với doanh thu thu được từ các khoản chi phí , không phải khi thanh toán bằng tiền .

**TRUE**

**Câu 17 :** Kế toán trên cơ sở dồn tích phản ánh nguyên tắc . Doanh thu được ghi nhận khi thu nó thực sự phát sinh chứ không phải khi nhận được tiền .

**TRUE**

**Câu 18 :** Mỗi loại bút toán điều chỉnh đều sẽ ảnh hưởng đến BCDKT mà không ảnh hưởng đến BCKQHĐKD .

**FALSE**

**Câu 19 :** Khi điều chỉnh các khoản chi phí đã phát sinh mà chưa trả tiền và chưa ghi nhận , kế toán sẽ tăng chi phí và ghi giảm tài sản .

**FALSE**

**Câu 20 :** Mỗi loại bút toán điều chỉnh đều ảnh hưởng đến 1 hay nhiều tài khoản thuộc BCKQHĐKD , một hay nhiều tài khoản BCDKT và không ảnh hưởng đến tài khoản tiền .

**FALSE**

## **CHƯƠNG 5**

**Câu 1 :** Trong bảng cân đối số phát sinh thể hiện các tài khoản tạm thời tổng số phát sinh bên nợ bằng với tổng số phát sinh bên có và số dư bằng 0 vào thời điểm cuối kỳ .

**TRUE**

**Câu 2 :** Các tài khoản tạm thời không bao gồm các khoản doanh thu và thu nhập khác .

**FALSE**

**Câu 3 :** Cho thông tin sau : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 790.000.000 . Hàng bị trả lại 12.000.000 . Doanh thu hoạt động tài chính 20.000.000 . Giá vốn hàng bán . 350.000.000 . Chi phí quản lý doanh nghiệp . 92.000.000 . Chi phí bán hàng 153.000.000 . Chi phí tài chính 15.000.000 . Sau khóa sổ các tài khoản “ Doanh thu và Chi phí “ , Tài khoản “ Xác định kết quả kinh doanh “ được khóa sổ bằng bút toán .

Nợ TK 911 188.000.000

Có TK 421 188.000.000 .

**TRUE**

**Câu 4 :** Nguyên tắc phản ánh của các tài khoản giảm trừ doanh thu phát sinh tăng ghi vào bên có

**FALSE**

**Câu 5 :** Nếu tài khoản “ Xác định kết quả kinh doanh “ có số dư có say khi doanh thu thuần và chi phí được kết chuyển thì bút toán để khóa sổ tài khoản “ Xác định kết quả kinh doanh “ sẽ bao gồm ghi có tài khoản “ Lợi nhuận chưa phân phối “ ..

**FALSE**

**Câu 6 :** Đầu năm , công ty có tổng tài sản là 500 triệu đồng và nợ phải trả là 135 triệu đồng . Trong năm , công ty có tổng doanh thu là 700 triệu đồng và chi phí là 537 triệu đồng và nợ phải trả tăng 200 triệu đồng . Giả sử vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi , tổng tài sản của công ty vào thời điểm cuối kỳ là 863 triệu đồng .

**TRUE**

**Câu 7 :** Đầu năm , công ty có tổng tài sản là 500 triệu đồng và nợ phải trả là 135 triệu đồng . Trong năm , công ty có nợ phải trả tăng 250 triệu đồng . Giả sử vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi và tổng tài sản của công ty vào thời điểm cuối kỳ là 890 triệu đồng . Như vậy lợi nhuận của công ty trong năm là 140 triệu đồng .

**TRUE**

**Câu 8 :** Sau khi tất cả các bút toán khóa sổ được ghi nhận và chuyển lên sổ cái tài khoản thì tài khoản lợi nhuận chưa phân phối sẽ còn số dư vào cuối kỳ .

**TRUE**

**Câu 9 :** Nếu tài khoản “ Xác định kết quả kinh doanh “ có số dư Có sau khi doanh thu thuần và chi phí được kết chuyển thì bút toán để khóa sổ tài khoản “ Xác định kết quả kinh doanh “ sẽ được ghi nhận vào bên nợ của tài khoản lợi nhuận chưa phân phối .

**TRUE**

**Câu 10 :** Việc khóa sổ kế toán chỉ bao gồm việc tính số dư cuối kỳ của các tài khoản tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp vào thời điểm cuối kỳ kế toán .

**FALSE**

**Câu 11 :** Tài khoản “ Xác định kết quả kinh doanh “ TK 911 là tài khoản tạm thời và thuộc báo cáo xác định kết quả kinh doanh .

**FALSE**

**Câu 12 : Thời điểm thực hiện công việc khóa sổ là cuối kỳ kế toán và trước khi lập các báo cáo tài chính .**

**TRUE**

**Câu 13 : Bảng cân đối phát sinh không nằm trong hệ thống báo cáo tài chính của một doanh nghiệp .**

**TRUE**

**Câu 14 : Số dư cuối kỳ của tài khoản bằng số dư đầu kỳ + số phát sinh Nợ - số phát sinh Có**

**FALSE**

**Câu 15 : Các tài khoản giảm trừ doanh thu là các tài khoản tạm thời và vào thời điểm cuối kỳ sẽ được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh .**

**TRUE**

**Câu 16 : Cho thông tin sau :**

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 790.000.000 . Hàng bán trả lại 12.000.000 . Trong bút toán khóa sổ tài khoản “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ “ Kế toán ghi nợ TK 911 : 778.000.000 .**

**TRUE**

Kế toán trên cơ sở tiền mặt sẽ không phát sinh các khoản phải thu và các khoản phải trả

Kế toán trên cơ sở dồn tích sẽ phát sinh các khoản phải thu và các khoản phải trả

Nghiệp vụ bán hàng thu tiền ngay được ghi nhận trong cả hai trường hợp kế toán trên cơ sở dồn tích và tiền mặt

Tác dụng của tài khoản:phản ánh tình hình hiện có và biến động của từng đối tượng KT một cách thường xuyên liên tục và có hệ thống

Muốn đối chiếu số liệu của sổ chi tiết với tài khoản cần phải lập bảng tổng hợp chi tiết

Để kiểm tra việc ghi sổ kép cần phải lập bảng đối chiếu số phát sinh các tài khoản